TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Bà Phan Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thị Mỹ P – Sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 109, tổ 02, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bùi Hữu X – Sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, và các lời khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ P trình bày: Bà và ông Bùi Hữu X cưới nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn, hôn nhân do mai mối và được cha mẹ quyết định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn nguyên nhân là do chồng cờ bạc gây nợ nần không quan tâm lo lắng cho vợ con, chồng có

người phụ nữ khác. Vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hữu X. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Cẩm T – Sinh ngày 14/11/2010 và Bùi Khánh D – Sinh ngày 04/12/2013 hiện nay đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có. Hiện nay bà đang làm ở công ty bao bì Việt Hoa tại Tiền Giang, lương mỗi tháng 9.000.000 đồng, đủ nuôi con ăn học.

Bị đơn ông Bùi Hữu X trình bày: Thống nhất với vợ về thời gian cưới nhau, thời gian sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ có người đàn ông khác nên vợ chồng không sống chung từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Cẩm T – Sinh ngày 14/11/2010 và Bùi Khánh D – Sinh ngày 04/12/2013 hiện nay đang sống vợ. Sau khi ly ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có. Hiện nay ông làm công việc lái tàu thuê chở đất làm gạch, mỗi chuyến tôi được trả công 700.000 đồng, công việc cũng ổn định đủ nuôi con.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hữu X. Ông X có nơi cư trú tại ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Bị đơn ông Bùi Hữu X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Bùi Hữu X chung sống với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà P trình bày vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chồng cờ bạc gây nợ nần không quan tâm lo lắng cho vợ con, chồng có người phụ nữ khác nên vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hữu X. Ông Bùi Hữu X cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do vợ có người đàn ông khác nên vợ chồng không sống chung từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay vợ yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn, bà P yêu cầu ly hôn được ông X đồng ý do đó cần công nhận sự thỏa thuận ly hôn này là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Bà P và ông X đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Cẩm T – Sinh ngày 14/11/2010 và Bùi Khánh D – Sinh ngày 04/12/2013 hiện nay đang sống bà P. Bà P và ông X đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc vợ chồng không còn sống chung đến nay bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên tình cảm, tâm tư gắn liền với người nuôi dưỡng. Nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sự phát triển bình thường của các con. Mặc khác ngày 12/3/2019 Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Bùi Thị Cẩm T và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó cần để bà P tiếp tục nuôi con là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình xét nên chấp nhận.

Do bà Huỳnh Thị Mỹ P không yêu cầu ông Bùi Hữu X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Bùi Hữu X thống nhất tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Bùi Hữu X thống nhất trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Mỹ P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ P.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Bùi Hữu X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con 02 chung tên tên Bùi Thị Cẩm T – Sinh ngày 14/11/2010 và Bùi Khánh D – Sinh ngày 04/12/2013. Ông Bùi Hữu X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị Mỹ P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Bùi Hữu X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Ghi nhận bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Bùi Hữu X thống nhất tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà bà Huỳnh Thị Mỹ P và ông Bùi Hữu X vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012554 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 02 năm 2019. Bà P đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Đương sự vắn mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- ỦBND xã Mỹ Hội Đông, h. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thiện Lai Phan Thị Nga Trần Quang Thanh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:</u>

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh

doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: